

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC5+RC4	7:25	7+7+8	0+0+0		5+7+9	0+0+0	CHUYEN 1 RC5 RC4
2		VSP02+BK10+P2	7:25	21+0+0	0+0+0		18+3+1	0+0+0	CHUYEN 1 BK10-P2
3		RP3+BK8	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
4		RP1+VSP02	7:25	14+8	0+0		9+13	0+0	CHUYEN 2 RP1 VSP02
5		RC8+RC10+RP1	9:25	6+2+12	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
6		RC6+VSP02+P1	9:25	6+15+0	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
7		RP3+RC4	9:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
8		P11+TD2+RP3	9:25	5+0+16	0+0+0		2+4+16	0+0+0	

TTBDSX

Đi về trong ngày vsp02-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024	TO: RCDM - RC5 - RC4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	89-90	2	9	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUÝ	RCDM	87	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	83	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG HIỆU	RCDM	86	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ VĂN ĐẠT	RCDM	85	1	13			79	NAM TIẾN	Vietnamese
6	VÕ THANH CHUNG	RCDM	84	1	9			67	NAM TIẾN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	88	1	6			71	PSV	Vietnamese
8	KYPASOV V.A.	RC5						80	KH-THAC	Russian
9	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	91	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG MINH KHANH	RC5	94	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TRUNG	RC5	92	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG TÙNG	RC5	93	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THUY	RC5	89-90	2	18			63	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI TRUNG SƠN	RC5	94	1	6			72	PSV	Vietnamese
15	ANTON IVANOV	RC4	75-76	2	15			85	NOVOMET	Russian
16	NGO PHẠM THANH HUY	RC4	68-69	2	15			84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RC4	71-72	2	6			73	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN TÙNG	RC4	74	1	5	2	30	74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						76	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HAI ANH	RC4	77-78	2	16			74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RC4	73	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HUY	RC4	70	1	16			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	7	517	8	58	1	20	5		
2	RC5	7	520	7	51	0	0	7+1		CHUYEN 01 PAX RC5-RC4
3	RC4	8	620	11	79	2	30	9		
TOTAL		22	1.657	26	188	3	50	21		
WEIGHT KG			1.657		188		50			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024	TO: VSP02 - BK10 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	YANDYAN E.A	VSP02	59-60	2	20			90	KH-THAC	Russian
2	GURIN V.V	VSP02	61	1	7			105	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	77-78	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	63-64	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH TRƯỞNG PHI	VSP02	70	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	71-72	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP02	81-82	2	14			73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	85	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	69	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	74	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TARGANOV GENNADII	VSP02						92	ANTOAN	Russian
12	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	67-68	2	10			63	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	83	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	65	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	75	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	62	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẦN CHIẾN THẮNG	VSP02	84	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02				2	30	103	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	66	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	76	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	73	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	21	1.621	25	167	2	30	18		
2	BK10	0	0	0	0	1	20	3	+1	CHUYEN GÁI PAX BK10 - P2
3	P2	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.621	25	167	3	50	22		
WEIGHT KG			1.621		167		50			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024	TO: RP3 - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	800	1	7	9	160	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CONG	RP3						69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	22	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	RP3	294	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH NGOC BÍCH	RP3	92-93	2	11			79	YTE	Vietnamese
6	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	29	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	46,21	2	18			68	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	97-98	2	16			67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	28	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	96	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỬ HAI	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯỜNG VĂN THƯỜNG	RP3	95	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	27	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH CÔNG	RP3	91	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THẮNG	RP3	25	1	11			89	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	24	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	26	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	295	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG XUÂN HÙNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC HUY	RP3	94	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ THANH LONG	RP3	23	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC OANH	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.581	21	130	9	160	15		
2	BK8	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.581	21	130	9	160	22		
WEIGHT KG			1.581		130		160			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2024	TO: RP1 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG -	ETA: 09:35
TRANG-1		TOAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TSOPANOV A.V	RP1	03-04	2	15			98	KH-THAC	Russian
2	KOROGLUEV R.	RP1	05	1	7			77	KH-THAC	Russian
3	PHUONG VAN MINH	RP1	06	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TAM	RP1	99	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BAC HA	RP1	500	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LY XUAN TRUNG	RP1	98	1	3			66	YTE	Vietnamese
7	TRAN QUANG TUNG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE DUC THIEN	RP1	95	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CONG TOAN	RP1	97	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
10	TAO QUANG NGAN	RP1						64	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN TRUONG	RP1	01	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGUYEN XUAN AN	RP1	94	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	HO NGHIA TAI	RP1	02	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	96	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC DONG	VSP02	22	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
16	Dinh The Anh	VSP02	21	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
17	LE XUAN HUNG	VSP02	26	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
18	DO VAN PHU	VSP02	23	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO DUC TRI	VSP02	27	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO CONG HUY	VSP02	24	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG CUONG	VSP02	28	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI MINH QUAN	VSP02	25	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	14	1.045	13	93	0	0	9	2	CHUYEN 2 KHACH TU RP1 SANG VSP02
2	VSP02	8	543	8	57	0	0	13		
TOTAL		22	1.588	21	150	0	0	22		
WEIGHT KG			1.588		150		0			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024	TO: RC8 - RC10 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIỀN TUỆ	RC8	87	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH VĂN THUẬN	RC8	85-86	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NAM	RC8	84	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC DỪNG	RC8	81	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG THẾ HAI	RC8	82	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ CÔNG TẠNH	RC8	83	1	4			66	PSV	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RC10	97	1	13	5	59	72	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG PHÚ	RC10	96	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	86	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẦN THANH CÔNG	RP1						60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	89	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP1	84-85	2	13			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	87	1	7			103	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN SƯU	RP1						78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BÀ QUÝ	RP1	82	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP1	90	1	7			79	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH HOÀN	RP1	91	1	9			77	PSV	Vietnamese
18	TRẦN HIỆP	RP1	92	1	5			77	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY QUYỀN	RP1	88	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	83	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC8	6	399	7	55	0	0	3		
2	RC10	2	149	2	24	5	59	0		
3	RP1	12	887	11	66	0	0	19		
TOTAL		20	1.435	20	145	5	59	22		
WEIGHT KG			1.435		145		59			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024	TO: RC6 - VSP02 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ ĐÌNH LỢI	RC6	01	1	12	2	35	63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC6	05	1	10	1	15	69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	04	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	08	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KIỂM BẠC	RC6	02-03	2	20			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	07	1	10			73	PSV	Vietnamese
7	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	32	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	40	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	31	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUANG LỘC	VSP02	29	1	13			62	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC ANH	VSP02	30	1	11			72	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM HUYNH CƯỜNG	VSP02	44-45	2	20			70	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	VSP02	42-43	2	11			66	CODIEN	Vietnamese
14	ĐÌNH MAI THIÊN	VSP02	35-36	2	15			72	CODIEN	Vietnamese
15	NGÔ HÙNG HẢI	VSP02	33-34	2	16			72	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02						83	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	38	1	2			62	PSV	Vietnamese
18	VŨ VĂN CHUYỀN	VSP02	37	1	7			73	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	41	1	2			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	46	1	7			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC6	6	418	7	65	3	50	5		
2	VSP02	14	969	17	119	0	0	8		
3	P1	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		20	1.387	24	184	3	50	22		
WEIGHT KG			1.387		184		50			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024		TO: RP3 - RC4			AIRCRAFT: 416			ETD: 10:00		
FLIGHT: 7		FROM: VT			CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM			ETA: 11:50		
VANG-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	42	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN HIEN	RP3	58	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THỂ PHONG	RP3	48	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
4	VOEVODCHENKOV	RP3	44	1	6			100	KH-THAC	Russian
5	TRẦN THANH HOAI	RP3	41	1	9			107	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG HUY	RP3	55-56	2	18			72	SOLAR	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN DƯƠNG	RP3	62	1	8			66	PVCHEM-C	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	43	1	6			80	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LÊM	RP3	50-51	2	17			68	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÍNH	RP3	52	1	10	2	17	77	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP3	66	1	8			62	CODIEN	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THANH	RP3	65	1	7	6	70	82	CODIEN	Vietnamese
13	NHÂM ĐIỆN BIÊN	RP3	60-61	2	14			70	NIFI	Vietnamese
14	VŨ ANH MINH	RP3	57	1	9	2	20	77	T-TIN	Vietnamese
15	VŨ NHẬT DUY	RP3	59	1	10			68	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	45	1	4			66	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VY	RP3	40	1	6			68	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THANH HẢI	RP3	39	1	2			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRUNG (1966)	RP3	49	1	5			67	PSV	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC CHI	RP3	47	1	5			55	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	46	1	2			58	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	82	1	4	1	20	65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	21	1.483	24	162	10	107	21		
2	RC4	1	65	1	4	1	20	1		
TOTAL		22	1.548	25	166	11	127	22		
WEIGHT KG			1.548		166		127			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2024		TO: P11 - TD2 - RP3			AIRCRAFT: 427			ETD: 10:05		
FLIGHT: 8		FROM: VT			CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG -			ETA: 11:55		
TRANG-2					TOAN					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P11	05-06	2	18			66	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TRIỆU	P11	04	1	11			68	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH ĐÔNG	P11	02	1	7			70	NAM TIEN	Vietnamese
4	HÀ HUYNH XUÂN DIỆP	P11	800	1	12			73	NAM TIEN	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG KHAI	P11	03	1	6			88	PSV	Vietnamese
6	HOÀNG MINH THIÊN	RP3	59	1	5			77	PSV	Vietnamese
7	ĐỖ NGỌC QUI	RP3	60	1	4			54	PSV	Vietnamese
8	MAI MINH TIEN	RP3	57	1	5			72	PSV	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN AN	RP3	58	1	6			70	PSV	Vietnamese
10	VÕ VĂN KIẾT	RP3	37	1	7			58	PSV	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH VĂN	RP3	51	1	5			82	PSV	Vietnamese
12	VÕ QUANG HÀ	RP3	52	1	13			67	DUY LINH	Vietnamese
13	LÊ TIEN THUAT	RP3	53	1	14			66	DUY LINH	Vietnamese
14	CAO THẾ HUNG	RP3	50	1	12	2	40	62	DUY LINH	Vietnamese
15	ĐẶNG TRẦN LONG	RP3	54	1	8			60	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH THĂNG	RP3	97-98	2	14			56	DUY LINH	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬT	RP3	93,99	2	15			92	DUY LINH	Vietnamese
18	PHẠM VĂN CƯỜNG	RP3	56	1	12			57	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG TÂM	RP3	55-56	2	18			78	DUY LINH	Vietnamese
20	TRẦN PHI HUNG	RP3	95-96	2	9			76	DUY LINH	Vietnamese
21	BUI VĂN CƯỜNG	RP3	94	1	12			53	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	5	365	6	54	0	0	2		
2	TD2	0	0	0	0	3	50	4		
3	RP3	16	1.080	20	159	2	40	16		
TOTAL		21	1.445	26	213	5	90	22		
WEIGHT KG			1.445		213		90			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN